

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2021/DS-PT  
Ngày 05-01-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Thẩm phán:*

Bà Trần Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2020/QĐ-HPT ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1956; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 103 A4 Khu chung cư T, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công M - Văn phòng Luật sư Công M - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Đinh Văn Ph, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 3 thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thùy L - Luật sư. Công ty Luật TNHH L; có mặt.

***- Người làm chứng:***

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm X; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm X; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị C, sinh năm X; địa chỉ: Số D đường M, thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Vũ Tiến D sinh năm 1978; địa chỉ: Số D đường M, thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Khắc Đ; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đinh Văn Ph là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn :* Bà và anh Đinh Văn Ph có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội từ khoảng cuối năm 2010. Khoảng đầu năm 2011 anh Ph hỏi mượn tiền bà, do bà không có tiền cho anh Ph vay nên bà đã hỏi vay hộ anh Ph số tiền 500.000.000 đồng, cụ thể: Lần đầu bà vay của anh trai bà là ông Nguyễn Khắc Đ 200.000.000 đồng (bà không nhớ rõ ngày tháng vay), số tiền này bà đưa lại cho anh Ph vay ngay sau đó tại nhà trọ của bà ở khu vực cầu Niệm, quận Lê Chân nhưng hai bên không viết giấy vay nợ số tiền này. Lần thứ hai vay 200.000.000 đồng, do bà không có tiền nên bà cùng anh Ph đến nhà bà Đặng Thị C ở số 849 đường 5/1, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng hỏi vay của bà C 200.000.000 đồng. Bà C đưa cho anh Ph 200.000.000 đồng nhưng bà là người kí nhận vay số tiền trên vào sổ ghi nợ của bà C. Số tiền này anh Ph trả lãi hàng tháng cho anh Vũ Tiến D (con trai bà C) được khoảng một đến hai tháng thì không trả lãi nữa. Lần thứ ba vay 100.000.000 đồng, do bà không có tiền nên bà lại dẫn anh Ph đến nhà bà C hỏi vay hộ anh Ph. Lần này bà và anh Ph cũng đến nhà bà C để hỏi vay tiền, bà C đưa cho anh Ph 100.000.000 đồng và bà cũng là người kí vay số tiền nêu trên của bà C. Ba lần vay trên cách nhau khoảng từ 20 ngày đến một tháng và vào khoảng từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2011, tổng số tiền ba lần bà vay hộ anh Ph là 500.000.000 đồng. Do tin tưởng anh Ph nên bà không yêu cầu anh Ph viết giấy vay nợ số tiền 500.000.000 đồng. Mỗi lần vay anh Ph đều hẹn bà khoảng 10 ngày sau sẽ trả tiền. Do không thấy anh Ph trả tiền nên bà có đòi anh Ph nhiều lần thì mẹ anh Ph là bà Nguyễn Thị V đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không nhớ đứng tên ai ở xã Q, huyện A để nhờ bà vay hộ tiền nhưng bà không vay được vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đứng tên bà. Bà trả lời bà V là không vay được tiền thì gia đình bà V đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do anh Ph còn nợ bà số tiền 500.000.000 đồng nên bà đã giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu anh Ph trả bà số tiền trên. Lúc này anh Ph nói với bà là cho nợ và anh Ph viết giấy vay tiền của bà đối với số tiền 500.000.000 đồng. Cụ thể, vào ngày 17/4/2011 anh Ph đã viết giấy vay tiền với nội dung vay của bà 500.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sau kể từ ngày 17/4/2011 sẽ trả bà. Thực tế số tiền 500.000.000 đồng này bà đã cho anh Ph vay làm 03 lần như bà đã nêu ở trên nhưng đến ngày 17/4/2011 anh Ph mới viết giấy vay tiền đưa cho bà. Thời

điểm anh Ph viết giấy vay tiền có anh Vũ Tiến D và bà V làm chứng, bà V còn viết trong giấy vay tiền là cam đoan có trách nhiệm cùng anh Ph trả bà số tiền trên, sau đó bà V còn viết trong giấy vay tiền là hẹn trả bà số tiền trên vào ngày 02/5/2011 (ngày âm lịch). Nội dung giấy vay tiền là do anh Ph tự viết và kí ở dưới mục người vay. Từ ngày hết hạn 2 tháng là ngày 17/6/2011 đến nay bà đã nhiều lần đòi anh Ph trả số tiền vay nhưng anh Ph không trả, có những lần gặp bà V để đòi số tiền trên bà V cũng nhắc nhiều lần nhưng không trả. Số tiền 500.000.000 đồng bà vay của ông Được, bà Cón bà đã tự giải quyết với ông Được và bà Cón. Số tiền 500.000.000 đồng bà cho anh Ph vay, anh Ph vẫn chưa trả bà.

Nay, bà đề nghị Tòa án buộc anh Ph phải trả bà số tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/6/2011 đến ngày 17/4/2020 là 08 năm 10 tháng với lãi suất là 10%/năm là  $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 08 \text{ năm } 10 \text{ tháng} = 446.000.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền bà yêu cầu anh Ph trả là 946.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Ph trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc từ ngày 18/4/2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm.

*Trình bày và đề nghị của bị đơn* : Vào đầu năm 2011, anh cùng vợ là Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị Kh có thỏa thuận bà Kh chuyển nhượng cho vợ chồng anh diện tích đất 115m<sup>2</sup> tại thửa 162B tờ bản đồ số 09 tại Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Khánh (chị gái bà Kh), với giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng. Vợ chồng anh đã trả cho bà Kh 200.000.000 đồng, bà Kh giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh và anh hẹn bà Kh đến ngày 15/3/2011 vợ chồng anh sẽ trả nốt 800.000.000 đồng, sau đó sẽ làm thủ tục sang tên diện tích đất trên cho vợ chồng anh. Hai bên có viết Giấy nhận tiền bán đất ngày 18/01/2011 có chữ kí của bà Kh và vợ anh. Giấy này không phải do anh Viết và anh không nhớ ai viết vì thời gian đã lâu. Sau đó anh cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến gặp anh Nguyễn Văn Lâm để vay tiền, anh Lâm cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền anh vay của anh Lâm bao nhiêu anh không nhớ và cũng không nhớ sử dụng số tiền này vào việc gì vì thời gian đã lâu. Do chưa làm thủ tục sang tên diện tích đất trên cho vợ chồng anh, anh lại cầm bìa đỏ nên bà Kh đã yêu cầu anh viết Giấy vay tiền với nội dung anh vay của bà Kh 500.000.000 đồng như trong Giấy vay tiền ngày 17/4/2011 nhưng thực tế anh không nhận số tiền vay nào từ bà Kh mà Giấy vay tiền này viết với mục đích để làm tin khi anh đang cầm Giấy chứng nhận quyền sử đất. Giấy vay tiền này anh viết tại nhà anh ở thôn K 2, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, hôm đó có anh, mẹ anh bà Nguyễn Thị V và bà Kh, mẹ anh cũng kí vào giấy vay tiền cam kết cùng anh trả số tiền trên. Ngoài anh, bà V và bà Kh thì không còn ai chứng kiến việc anh viết giấy vay tiền nêu trên nữa. Anh Vũ Tiến D không có mặt tại nhà anh lúc anh viết giấy vay tiền. Năm 2012 anh đi cải tạo tại trại giam và đến năm 2015 thì anh ra trại. Sau khi ra trại anh có đến nhà bà Kh nói chuyện thì bà Kh nói là đã đến nhà anh Lâm chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Anh

có bảo bà Kh: nếu đã chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra rồi thì hủy Giấy vay tiền mà anh đã kí với bà Kh đi. Bà Kh bảo rằng Giấy vay tiền do chồng bà Kh cầm nên bà Kh chưa hủy được. Do tin tưởng bà Kh nên anh cũng không hỏi gì đến Giấy vay tiền nữa.

Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án bà Kh kiện đòi anh số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi, anh mới biết bà Kh chưa hủy Giấy vay tiền theo yêu cầu của anh.

Nay, bà Kh khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và liên lãi, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Kh vì thực tế anh không vay tiền của bà Kh và bà Kh cũng không cho anh vay tiền, anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Kh.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày:* Giấy vay tiền bà Kh khởi kiện anh Ph là do anh Ph viết nhưng không phải để vay tiền bà Kh mà viết để làm tin khi vợ chồng anh Ph mua đất của bà Kh như lời khai của anh Ph đã trình bày. Khi viết giấy vay tiền bà Kh cũng không giao tiền cho anh Ph vay. Bà có ký vào giấy vay tiền cam kết có trách nhiệm cùng anh Ph trả cho bà Kh số tiền 500.000.000 đồng với mục đích để vợ chồng anh Ph thuận tiện trong việc mua bán đất của bà Kh. Khi anh Ph viết giấy vay tiền của bà Kh thì anh Dũng không có mặt. Sau khi anh Ph viết giấy vay tiền nói trên thì bà Kh đưa cho anh Ph giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất. Anh Ph cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa cho bà. Bà đem giấy chứng nhận này đến gặp anh Lâm để vay của anh Lâm khoảng từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng bà không nhớ chính xác số tiền vay của anh Lâm. Anh Lâm đưa tiền cho bà và anh Lâm cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên không lập biên bản giao nhận tiền và giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà và anh Ph cầm số tiền vay được từ anh Lâm trả cho bà Kh, số tiền này là trả vào tiền anh Ph mua đất của bà Kh. Đến khoảng cuối năm 2019 hay đầu năm 2020 thì anh Ph nói với bà là bà Kh đã chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ anh Lâm rồi và bà Kh đã bán đất cho người khác, thì bà bảo với anh Ph là bán rồi thì thôi nhưng phải bảo bà Kh hủy hết các giấy vay nợ đi. Bà không biết anh Ph có yêu cầu bà Kh hủy các loại giấy vay tiền đi không, đến khi bà nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Ph thông báo bà Kh kiện đòi anh Ph số tiền 500.000.000 đồng cùng tiền lãi bà mới đoán là bà Kh chưa hủy giấy vay tiền mà anh Ph viết trước đó. Việc mua bán đất giữa anh Ph và bà Kh mua đi bán lại nhiều lần không thành sau đó bà Kh cũng đã chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ anh Lâm và cũng đã bán đất cho người khác chứ không bán cho anh Ph nên anh Ph không nợ tiền bà Kh như yêu cầu khởi kiện của bà Kh. Bà cũng không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào cho bà Kh để nhờ bà Kh vay tiền hộ.

*Người làm chứng bà Đặng Thị C trình bày:* Giữa bà và bà Kh, anh Ph không có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng tháng 02/2011 bà Kh hỏi bà vay tiền hộ anh Ph. Mỗi lần hỏi vay tiền bà Kh thường gọi điện cho bà trước sau đó cùng anh Ph sang nhà bà lấy tiền. Bà cho bà Kh vay khoảng 2 đến 3 lần, mỗi lần không dưới 100.000.000 đồng và đều do anh Ph là người lấy tiền từ bà đưa. Tổng số tiền

bà đưa cho anh Ph là 300.000.000 đồng nhưng bà Kh là người chịu trách nhiệm trả bà số tiền trên. Bà có yêu cầu bà Kh trả lãi nhưng không nhớ lãi suất là bao nhiêu. Hàng tháng con trai bà là anh Vũ Tiến D lấy tiền lãi từ bà Kh cụ thể số tiền lãi là bao nhiêu bà không nắm rõ. Số tiền bà đưa cho anh Ph vay thì bà Kh là người ký nhận vay vào sổ ghi nợ của bà nhưng do bà chuyển nhà nên đã bị thất lạc và do thời gian đã lâu nên bà không nhớ ngày tháng cụ thể. Sau đó bà Kh có trả bà 100.000.000 đồng trừ vào tiền bà Kh bán đất cho anh Dũng và hiện nay còn nợ lại bà 200.000.000 đồng.

*Người làm chứng anh Vũ Tiến D khai:* Anh và bà Kh có mối quan hệ quen biết xã hội với nhau và anh quen anh Ph qua bà Kh. Bà Kh có vay của mẹ anh bà Đặng Thị C số tiền 300.000.000 đồng và số tiền này bà Kh vay hộ anh Ph nhưng bà Kh là người chịu trách nhiệm trả mẹ anh với lãi suất là 6%/tháng. Việc trả lãi chỉ thực hiện khoảng 3 đến 4 tháng thì không trả nữa. Ngày 17/4/2011 anh có chứng Kh Phước viết giấy vay nợ của bà Kh số tiền 500.000.000 đồng tại nhà anh Ph hôm đó bà Kh không giao tiền mà anh Ph viết giấy vay tiền đã nhận trước đó. Khi anh Ph viết giấy vay tiền thì anh không thấy bà Kh và anh Ph trao đổi gì liên quan đến việc bà Kh bán đất cho anh Ph mà chỉ trao đổi về số tiền anh Ph đã vay của bà Kh.

*Người làm chứng chị Phạm Thị H trình bày:* Chị là vợ của anh Đinh Văn Ph. Vợ chồng chị mua của bà Kh thửa đất như anh Ph đã trình bày và bà Kh là người viết Giấy nhận tiền bán đất cho vợ chồng chị. Việc anh Ph viết giấy vay bà Kh số tiền 500.000.000 đồng là để làm tin khi vợ chồng chị mua đất của bà Kh như anh Ph trình bày chứ thực tế không có việc anh Ph vay tiền bà Kh. Khi anh Ph viết giấy vay tiền bà Kh chị không có mặt. Diện tích đất mà bà Kh bán cho vợ chồng chị không thực hiện được vì bà Kh đã tự ý đến nhà anh Lâm chuộc giấy chứng nhận về nên giữa vợ chồng chị và bà Kh không có liên quan gì đến việc mua bán đất nữa và cũng không có việc anh Ph nợ bà Kh số tiền 500.000.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, điểm d Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh. Buộc anh Đinh Văn Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 913.945.205 đồng, trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi 413.945.205 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh về tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí: Anh Đinh Văn Ph phải chịu 39.418.356 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Kh được miễn án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2020, anh Đinh Văn Ph kháng cáo bản án Tòa án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi tiền đã cho vay và không khởi kiện tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Giấy vay tiền là chứng cứ gốc nguyên đơn đưa ra để yêu cầu bị đơn trả nợ. Giấy vay tiền không ghi gì về việc bán đất nên bị đơn bảo giấy vay tiền để làm tin khi bán đất là không đúng.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Giấy vay tiền là để làm tin khi bị đơn mua đất của nguyên đơn nhưng chưa trả đủ tiền. Ngoài ra, bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, kể cả về cách tính lãi và số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Xét phạm vi, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các tài liệu chứng cứ thu thập được không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về pháp luật áp dụng, thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền ngày 17 tháng 4 năm 2011 là thỏa thuận của các đương sự không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về

lãi, lãi suất, phạt vi phạm, giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11. Trong quá trình giải quyết vụ án và cho đến trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Căn cứ Điều 149 Bộ luật Dân sự, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm không áp dụng quy định về thời hiệu là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu triệu tập người làm chứng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng như đã được xác định tại bản án sơ thẩm và triệu tập thêm người làm chứng là ông Nguyễn Khắc Đ. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn, bị đơn đồng thời là người kháng cáo có mặt, ông Nguyễn Khắc Đ có mặt. Những người làm chứng khác đã có lời khai có trong hồ sơ nên căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về số tiền vay nợ: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, như giấy vay tiền, lời trình bày thừa nhận của các bên đương sự có đủ căn cứ xác định anh Đinh Văn Ph vay bà Nguyễn Thị Kh số tiền 500.000.000 đồng, hạn ngày trả là sau 2 tháng tính từ ngày 17/4/2011. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền lãi và số tiền lãi: Giấy vay tiền thể hiện anh Đinh Văn Ph vay bà Nguyễn Thị Kh số tiền 500.000.000 đồng, hạn ngày trả là sau 2 tháng tính từ ngày 17/4/2011 tức là ngày 17/6/2011 bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay. Tuy nhiên, sau ngày 17/6/2011 bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn nên theo quy định tại Điều 302, Điều 305, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm. Áp dụng khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc). Tính lãi từ ngày 18/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3386 ngày. Số tiền lãi là 500.000.000 đồng x 9%/365 ngày x 3386 ngày = 417.452.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền gốc vay và chỉ tính lãi đến ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện, tuy nhiên lại không chấp nhận yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là không có cơ sở vì khoản tiền lãi phát sinh từ nợ gốc, không phải là khoản tiền yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc thì Tòa án phải xem xét có nghĩa vụ trả lãi khi đương sự có yêu cầu trả lãi. Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là 417.452.000 đồng. Tòa án cấp phúc thẩm sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

[6] Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là 500.000.000 đồng + 417.452.000 đồng = 917.452.000 đồng đồng.

[7] Về yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tuổi mực của chữ ký, chữ viết của người làm chứng trong Giấy vay tiền của anh Đinh Văn Ph: Xét, Giấy vay tiền có chữ ký của người cho vay là nguyên đơn và người vay là bị đơn. Bị đơn thừa nhận có viết giấy vay tiền và có ký, chữ ký người vay là chữ ký của mình nhưng cho rằng không có việc vay tiền mà chỉ là viết giấy để làm tin. Người làm chứng là anh Dũng trình bày có ký vào giấy vay tiền nhưng cũng trình bày không có việc giao tiền. Người làm chứng là bà V là mẹ đẻ bị đơn cũng thừa nhận giấy vay tiền do anh Ph viết và ký, không có việc giao tiền. Do vậy, việc giám định chữ ký của người làm chứng là anh Dũng không ảnh hưởng đến nội dung việc bị đơn thừa nhận có viết và ký vào giấy vay tiền. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn đề nghị giám định, chữ ký, chữ viết, tuổi mực của chữ ký, chữ viết của người làm chứng.

[8] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng bị đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nguyên đơn mới dẫn đến việc viết giấy vay tiền. Chứng cứ là giấy vay tiền không có nội dung gì liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, nếu bị đơn cho rằng vì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nguyên đơn cho mình mà ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác về tranh chấp việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay nợ phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tính lãi không được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bị đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 184, Điều 229, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 302, Điều 305, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Văn Ph. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh. Buộc anh Đinh Văn Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 917.452.000 đồng (*chín trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng và nợ lãi 417.452.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh về số tiền tính lãi 28.548.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Đinh Văn Ph phải chịu 39.523.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Đinh Văn Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012812, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng; anh Đinh Văn Ph còn phải nộp số tiền 39.223.000 đồng (*ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Kh được miễn án phí đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**